

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 532 /2023/DS-PT

Ngày: 27/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Quang Dũng;

Ông Trần Xuân Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023 và ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án dân sự thụ lý số 248/2023/TLPT- DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 do có kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11558/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1954;

Trú tại: Số nhà 28, ngõ 20, đường P, phường Tr, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964;

2/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1968;

3/ Ông Hồ Văn D, sinh năm 1960;

4/ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968;

Đều trú tại: Thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn D: Luật sư Lê Trung H – Văn phòng Luật sư thành Vinh thuộc đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An – có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

1/ Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn B - Chủ tịch UBND Huyện – có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Ngọc B (Nguyễn Văn B); Vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; Vắng mặt.

4/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962; Vắng mặt.

5/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1968; Vắng mặt.

6/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; Vắng mặt.

7/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974; Vắng mặt.

Đều cư trú: Thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

8/ Chị Thái Thị H, sinh năm 1984; Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

9/ Bà Hồ Thị D, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Khối T, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

10/ Ông Hồ Văn T, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Khối P, phường Q, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

11/ Ông Hồ Văn H, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Khối T, phường L, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

12/ Anh Hồ Văn Th, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số 3, ngõ 16 đường H, khối V, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

13/ Bà Hồ Thị T, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

14/ Bà Hồ Thị H, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

15/ Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

16/ Bà Phạm Thị D, sinh năm 1949

Nơi cư trú: Khối T, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ông Phạm Văn Ng trình bày: Bố mẹ ông là cụ Phạm Văn N (chết ngày 12/12/1993) và cụ Vương Thị N (chết ngày 31/5/1990) được Hợp tác xã (sau đây viết tắt là HTX) Nguyễn Đức Mậu cấp cho một thửa đất từ năm 1970, 2 cụ sống tại đó cho đến khi chết. Bố mẹ ông sinh được 06 người con gồm:

1/ Phạm Thị C, chết năm 2013; chồng là ông Hồ Yên Đ, sinh năm 1935, chết năm 2005. Có 07 người con gồm: Hồ Thị D, sinh năm 1958; Hồ Văn D, sinh năm 1960; Hồ Thị T, sinh năm 1963; Hồ Thị H, sinh năm 1974; Hồ Văn T, sinh năm 1968; Hồ Văn H, sinh năm 1972; Hồ Văn Th, sinh năm 1977.

2/ Phạm Thị N, chết năm 2013, chồng là Nguyễn Ngọc B, ông bà có 07 người con gồm: Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; Nguyễn Văn V, sinh năm 1964; Nguyễn Thị X, sinh năm 1962; Nguyễn Văn B, sinh năm 1968; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; Nguyễn Văn C, sinh năm 1974; Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, chết năm 2018 có chồng Thái Bá C, sinh năm 1960 và 01 con Thái Thị H, sinh năm 1984.

3/ Phạm Thị D, sinh năm 1949;

4/ Phạm Hữu Th, liệt sỹ hy sinh năm 1968; con là Phạm Thị Nh, sinh năm 1960;

5/ Phạm Văn D, liệt sỹ hy sinh năm 1966;

6/ Phạm Văn Ng, sinh năm 1954;

Cụ N và cụ N chết đều không để lại di chúc, di sản các cụ để lại là thửa đất và tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp 4 ba gian, 01 nhà bếp, 01 bể cạn, 01 giếng nước. Vì điều kiện ở xa nên ông nhờ các cháu trông coi, thỉnh thoảng ông về thấp hương. Năm 2013 ông về quê thì phát hiện ngôi nhà của bố mẹ ông để lại đã bị phá dỡ xây nhà mới. Qua tìm hiểu thì ông được biết thửa đất của bố mẹ ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) cho các cháu D và V. Tại bản án số 02/2018/HC-PT ngày 25/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K700483 cấp ngày 20/6/1997 và một phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp cho Nguyễn Văn V đối với thửa đất số 729 tờ bản đồ số 114-70, diện tích 430m²; địa chỉ thửa đất tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Nay ông tiếp tục khởi kiện cho rằng UBND huyện Quỳnh Lưu đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế là trái với quy định pháp luật về đất đai, vì vậy ông yêu cầu hủy một

phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I782840 và một phần Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 10/01/1997 cấp cho Hồ Văn D đối với thửa đất số 730, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 267m² tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 729 diện tích 430m² và thửa đất số 730 diện tích 267m² tờ bản đồ số 114-70 tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Các tài sản trên đất khác nay không còn nữa nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 20/5/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn V trình bày: Ông bà ngoại anh là Phạm Văn N và cụ Vương Thị N có 06 người con (như ông Ng trình bày). Năm 1970, hai cụ được HTX Nguyễn Đức Mậu cấp thửa đất tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Năm 1986 ông Ng đưa hai cụ vào Vinh sống cùng với ông Nguyên. Sau đó ông Ng trở về bán ngôi nhà trên cho vợ chồng nhà Soa Ban ở Quỳnh Hợp với giá 150.000 đồng nhưng không được HTX đồng ý. Sau đó ông Ng đã bán ngôi nhà đó cho bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị N với giá 150.000 đồng, việc mua bán không có giấy tờ gì. Hiện tại ông Hồ Sỹ H nguyên là phó chủ nhiệm HTX năm 1986-1989 đang còn sống làm chứng cho việc mua bán.

Năm 1988 vợ chồng anh ra ở trên mảnh đất bố mẹ đã mua. HTX xét thấy gia đình đủ điều kiện cấp đất nên đã cấp đất trên diện tích đang sinh sống. Từ đó đến nay gia đình anh sinh sống ổn định không tranh chấp với ai. Trong quá trình sinh sống gia đình anh đã tháo dỡ ngôi nhà và bếp cùng các công trình khác nay không còn di sản là tài sản trên đất của hai cụ nữa. Nay ông Phạm Văn Ng yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ N và cụ N để lại và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Hồ Văn D thì anh không nhất trí. Việc các anh được giao đất là hợp pháp, còn đất do HTX quản lý chứ không phải của ông bà ngoại nên không được bán. Trình tự cấp GCN là gia đình có làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn HTX Nguyễn Đức Mậu và UBND xã Sơn Hải kê khai làm thủ tục và giao lại giấy chứng nhận cho anh V. Anh V khai có giấy mua bán nhà giữa ông N và ông B nhưng đã bị mất. Nay ông Ng yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 729 và 730 thì anh không đồng ý.

- Tại bản tự khai ngày 21/02/2019, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa anh Hồ Văn D trình bày: anh không đồng ý với yêu cầu của ông Phạm Văn Ng. Vì năm 1990 anh mới về ở trên mảnh đất có tranh chấp, sau khi về thì anh được HTX Nguyễn Đức Mậu cấp đất nên không phải là đất của ông bà ngoại để lại. Đất do ông Hồ Minh T và ông Nguyễn Văn Ng phó chủ nhiệm HTX cấp. Trên đất tranh chấp hiện nay không có đất từ đường hương hỏa nữa, vì đất hương hỏa nằm ở vị trí khác, hiện nay đang do ông Nguyễn Văn D đang sử dụng có ông Trần Văn H - Chủ tịch xã biết nội dung này. Ông Phạm Văn Ng yêu cầu chia thừa kế

và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh là vô lý. Mảnh đất này là của ông bà ngoại (cụ N và cụ N) được Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu cấp năm 1970, đến năm 1986 anh được biết ông bà ngoại và ông Ng đã nhất trí bán lại để chuyển vào Vinh sinh sống. Đầu tiên bán cho bà Nguyễn Thị S (Ban) ở Quỳ Hợp với giá 150.000 đồng. Bà S chuyển về ở thì Ban quản lý Hợp tác xã yêu cầu bà S dỡ nhà còn đất để lại cho Hợp tác xã thì bà S không mua nữa. Hợp tác xã chỉ cho bán cho người ở trong Hợp tác xã cả nhà và đất thì sau đó ông bà ngoại đã bán lại cho ông Nguyễn Ngọc B chồng bà Phạm Thị N với giá 150.000 đồng. Ông B chỉ trả được 120.000 đồng còn 30.000 đồng ông Ng lấy bằng su hào và cải bắp, thuốc Lào để trừ dần. Sau đó ông B cho con trai là Nguyễn Văn V ra ở tại căn nhà và mảnh đất đó. Đến năm 1990 anh D ra quân về nhà thấy cảnh anh em đông, nhà cửa chật chội nên ông D đã làm đơn xin Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu cấp đất cho ông. Theo tiêu chuẩn được cấp đất là 4 con trai và 2 con dâu. Thời điểm này Hợp tác xã không có đất canh tác nên cắt của gia đình nào rộng, đến cuối năm 1990 HTX quyết định cấp trong mảnh vườn anh V ở thừa đất mà ông bà ngoại đã sống và đã qua chuyển đổi của HTX. Đến năm 1993 làm thủ tục cấp bìa đỏ; năm 1997 được cấp sổ đỏ thì ông Ng vẫn biết. Từ đó đến năm 2014 sống ổn định không tranh chấp với ai.

- Theo bản tự khai và tại phiên tòa bà Phạm Thị D và bà Phạm Thị Nh trình bày: Bố mẹ các bà (cụ Phạm Văn N và cụ Vương Thị N) được Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu ưu tiên gia đình liệt sỹ cấp cho một thửa đất tại thôn 13, xã S từ năm 1970. Bố mẹ các bà đã làm nhà và sống tại đó cho đến khi chết. Bố mẹ bà chết không để lại di chúc, để lại đất và tài sản trên đất gồm một ngôi nhà ngói 3 gian, 01 nhà bếp và 01 bể cạn đựng nước 10m³, 01 giếng đào và cây cối trong vườn. Bố mẹ bà sinh được 06 người con (như ông Ng trình bày). Nay hai bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Ng và giao toàn bộ di sản mà các bà được hưởng cho ông Phạm Văn Ng. Ông Ng chịu mọi trách nhiệm, phí tổn theo quy định của pháp luật.

- Theo bản tự khai ngày 20/02/2019 chị Hồ Thị T trình bày: Mảnh đất hiện tại anh D đang ở là đất của HTX nông nghiệp Đức Mậu cấp theo tiêu chuẩn 4 trai, hai dâu. Đất được cắt lại trong vườn của anh Nguyễn Văn V năm 1990 trong lúc ông bà còn sống cùng ông Ng tại thành phố Vinh. Nay ông Ng khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì bà không nhất trí vì mảnh đất đó của HTX cấp chứ không phải của ông bà ngoại để lại.

- Theo bản tự khai ngày 21/02/2019 chị Phạm Thị H trình bày: chị và anh D cưới nhau năm 1988, lúc đó anh D đang ở chiến trường Campuchia. Đầu năm 1990 anh D ra quân trở về làm nông nghiệp. Do nhà đông người nên vợ chồng đã làm đơn xin cấp đất theo tiêu chuẩn 4 trai 2 dâu. Đến cuối năm 1990 thì được HTX cấp cho cái ao rau muống thu hồi lại của anh V. Thời điểm này ông bà ngoại và ông Ng không có ý kiến gì, ông B và anh V cũng

không có ý kiến gì, vì đất đai lúc đó do HTX quản lý, HTX có quyền thu để cấp cho những người có đủ tiêu chuẩn, lúc đó ông bà ngoại và ông Nguyễn rất mừng vì được ở trên mảnh đất trước đây ông bà được HTX cấp. Năm 1993 UBND xã làm thủ tục cấp bìa đỏ đến năm 1997 thì được cấp. Nay ông Nguyễn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và hủy bìa thì chị không đồng ý.

- Theo Đơn trình bày ngày 15/11/2017 ông Hồ Sỹ H, nguyên là phó chủ nhiệm HTX Nguyễn Đức Mậu thời kỳ 1984 – 1990; năm 2015 làm xóm trưởng, phó bí thư chi bộ thôn 13 xã S đến nay trình bày: Nguồn gốc thửa đất hiện nay đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D và anh V; chị L đang ở chưa được cấp giấy chứng nhận, trước năm 1988 là của cụ Phạm Văn N và cụ Vương Thị N. Năm 1988, hai cụ vào thành phố Vinh ở với ông Nguyễn, còn việc mua bán nhà với nhau có lập giấy tờ không thì ông không biết. Khi cấp đất thì không có văn bản gì, thời kỳ đó HTX lấy đất cắt cho anh V và anh D ở không có thủ tục giấy tờ gì, thời kỳ đó đất đai do HTX quản lý và có quyền điều chỉnh đất đai cho từng hộ dân, đất không được mua bán chuyển nhượng. HTX thời kỳ đó không có văn bản gì về việc giao đất, thu hồi đất.

- Tại công văn số 2315/UBND.TNMT ngày 08/10/2021 của UBND huyện Quỳnh Lưu cho biết về quy trình việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 đất nông nghiệp được thực hiện theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, đồng thời cấp đất ở và đất vườn khu dân cư. Ông Hồ Văn D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo chủ trương trên. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn D tại thửa 730, tờ bản đồ số 114-70 (bản đồ địa chính) diện tích 267m² gồm có: + Sổ địa chính trang số 37 thể hiện ông Hồ Văn D, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1965 là chủ sử dụng 1.823m² đất ở, đất vườn và đất sản xuất nông nghiệp tại thôn 13, xã S. Trong đó có thửa 730 tờ bản đồ số 114-70 (bản đồ địa chính) diện tích 267m² (200m² đất ở, 67m² đất vườn); + Sổ mục kê trang số 20, tờ bản đồ 114-70, thửa đất số 730, kê khai cho chủ sử dụng là Hồ Văn D diện tích 267m² (200m² đất ở, 67m² đất vườn); + Sổ theo dõi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Hồ Văn D thôn 13, xã S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 782840 theo Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 10/01/1997 đối với 1.823m² đất tại thôn 13, xã S.

Đối với hồ sơ đất hộ ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị H tại thửa đất số 729, tờ bản đồ 114-70 (bản đồ địa chính) diện tích 430m², gồm có: + Trang sổ địa chính số 319 thể hiện ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị H là chủ sử dụng của 2.033m² đất ở, đất vườn và đất sản xuất nông nghiệp tại thôn 13, xã S. Trong đó có thửa đất số 729, diện tích 430m², trong đó 200m² đất ở, 230m² đất vườn. + Sổ mục kê trang số 20, tờ bản đồ 114-70, thửa đất số 729, vào sổ cho người sử dụng là Nguyễn Văn V với diện tích 430m², trong đó 200m² đất ở, 230m² đất vườn. + Sổ theo dõi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp

cho Nguyễn Văn V thôn 13, xã Sơn Hải số vào sổ 301 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri là K 700483 ngày 20/6/1997 diện tích 2.033 m² .

Hiện nay UBND huyện không còn tài liệu lưu trữ nào chứng minh nguồn gốc của hai thửa đất trên trước đây là của ông Phạm Văn N và bà Vương Thị N nên UBND huyện không có cơ sở để cho ý kiến.

- Theo công văn số 319/UBND-ĐC ngày 03/12/2021 của UBND xã S xác nhận Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 782840 cấp cho ông Hồ Văn D đối với thửa đất số 730, diện tích 267m² và thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114-70, bản đồ 299, diện tích 430m² tại thôn 13, xã S hiện tại không có lưu trữ tại UBND xã, hiện tại chỉ còn lưu trữ sổ địa chính, sổ mục kê và sổ cấp giấy chứng nhận. Nguồn gốc hai thửa đất nói trên là đất của Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu cấp cho ông Phạm Văn N và bà Vương Thị N từ năm 1970. Sử dụng được một thời gian thì bán lại cho con rể là Nguyễn Văn B (gia đình chưa cung cấp giấy mua bán). Hai vợ chồng ông N và bà N vào Vinh ở với con (ông Ng). Vợ chồng ông B ở được một thời gian thì để lại cho con trai là Nguyễn Văn V sử dụng và được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 730 diện tích 267m² có nguồn gốc được HTX cấp cho ông N và bà N. Do đất cấp vượt quá hạn mức nên đã kiểm tra và thu hồi lại và cấp cho Hồ Văn D sử dụng và được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông Phạm Văn Ng yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 729 và 730 và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn D thì UBND xã chưa có ý kiến do tình tiết vụ việc phức tạp, hồ sơ lưu trữ không đầy đủ để chứng minh. Ranh giới thửa đất ổn định, không tranh chấp với ai. Nguyên nhân diện tích tăng thêm do qua các thời kỳ đo đạc, phần diện tích tăng thêm phù hợp với quy hoạch, đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo văn bản ngày 08/7/2021 của HTX Nguyễn Đức Mậu: Nguồn gốc hai thửa đất 729 và 730 được HTX Nguyễn Đức Mậu cấp cho ông Phạm Văn N và bà Vương Thị N, không có chứng từ sổ sách, chỉ đo và bàn giao cho ông bà, chủ nhiệm HTX thời kỳ này là ông Nguyễn Duy C (nay đã chết). Năm 1986 ông Ng về bán lại cho gia đình ông Vương Ngọc B và bà Nguyễn Thị S ở Quỳ Hợp, nhưng không được HTX chấp nhận vì chỉ được bán nhà không được bán đất do HTX quản lý. Sau đó ông Ng đã bán cho anh rể là Nguyễn Văn B là xã viên HTX thì được đồng ý. Sau đó ông B cho con trai là Nguyễn Văn V và vợ là Trần Thị H ra ở riêng. HTX cắt phần đất ở, đất vườn và đất phần trăm mà không cắt ra đồng cho anh V và chị H. Đến năm 1990 anh Hồ Văn D ở bộ đội ra quân xin cấp đất ở vì đủ tiêu chuẩn gia đình 4 con trai 2 con dâu, HTX thực hiện theo Nghị quyết Đại hội xã viên HTX thu đất vườn của các xã viên rộng cắt cho người khác. Anh D được cắt mảnh đất là ao rau muống, khi cấp cũng chỉ đo đạc và nhận đất ở, không có văn bản nào. Đến năm 1993 khi Luật đất đai có hiệu lực thì chuyển cho UBND xã quản lý,

đến năm 1997 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ý kiến của HTX Nguyễn Đức Mậu về yêu cầu chia thừa kế thừa đất 729 và thửa 730 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Hồ Văn D: Thửa đất 729 và thửa 730, tờ bản đồ 114-70 này không phải là đất từ đường, hương hỏa. Còn thửa đất 729 và 730 là đất của HTX trước đây cấp thì giờ thu về để cấp cho người khác (vì trước đây đất cấp không có giấy tờ, quyết định gì cả, năm 1970 cấp đất cho ông N không có giấy Quyết định. Đến năm 1990 HTX cấp đất cũng không có giấy Quyết định, chỉ đo đất và nhận ở. HTX không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ng vì từ năm 1993 đến năm 1997 làm thủ tục cấp bìa nhưng ông Ng không có khiếu nại gì. Ông D và ông V vẫn là xã viên HTX Đức Mậu luôn đóng thuế đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất màu đầy đủ và HTX vẫn đang quản lý đất đai của các xã viên.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2017 ông Nguyễn Ngọc B trình bày: khoảng năm 1986 ông N và bà N đã bán cho vợ chồng ông ngôi nhà với số tiền 150.000 đồng, người nhận tiền là ông Phạm Văn Ng, bán xong ông Ng đưa bố mẹ vào Vinh ở. Năm 1988 ông giao lại nhà và đất cho con trai là Nguyễn Văn V ở được HTX giao đất theo chế độ 4 trai 2 dâu. Năm 1990 theo chủ trương thời đó đất ai rộng thì cắt bớt nên HTX đã cắt bớt một phần đất của V cho D. Nay ông Ng yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh D và đòi lại vùng đất là không có cơ sở.

- Theo Biên bản định giá tài sản ngày 12/9/2019: Thửa đất 730, tờ bản đồ 114-70 bản đồ địa chính diện tích 267m², nay là thửa số 19, tờ bản đồ số 8 bản đồ số diện tích 307,9m² tại thôn 13 xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An có giá đất ở 6.000.000đồng/m². Đất vườn trị giá 3.000.000 đồng/m². Các tài sản trên đất gồm 01 ốt quán diện tích 28m² xây dựng năm 2012 trị giá 35.280.000 đồng; 01 nhà ở xây dựng năm 2008 diện tích 83,88m² trị giá 365.000.000 đồng. Sân phơi lát gạch diện tích 86,45m² + cổng và tường bao trị giá 35.000.000 đồng; công trình phụ, giếng nước, bể cạn trị giá 15.000.000 đồng; mái tôn 44,88m² trị giá 7.500.000 đồng.

Thửa đất 729, tờ bản đồ 114-70 bản đồ địa chính diện tích 430m², nay là thửa số 20, tờ bản đồ số 8 bản đồ số diện tích 754m² tại thôn 13 xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An có giá đất ở 3.000.000đồng/m². Đất vườn giá 1.500.000 đồng/m²; tài sản trên đất không tiến hành định giá được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 26 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ các Điều 34, 37, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 610, 613, 623, 649, 650, 651, 653, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 166, 167 Luật đất đai; các Điều 26, 35, 39, 74, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật người cao tuổi; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 30, Điều 32, Điều 115; khoản 1 Điều 158; Điều 159; Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015, Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ng.

Tuyên huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 782840 được UBND huyện Quỳnh Lưu cấp cho Hồ Văn D và một phần Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 10/01/1997 đối với thửa đất số 730 tờ bản đồ 114-70 diện tích 267m² tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Các phần khác của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tranh chấp có giá trị sử dụng.

Buộc ông Hồ Văn D phải giao lại cho ông Phạm Văn Ng quyền sử dụng một phần thửa đất số 730, tờ bản đồ 114-70 tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An có tứ cận như sau: Chiều rộng phía Tây tám đường bê tông liên thôn 7m, phía Đông giáp đất ông V rộng 7m, phía Bắc giáp thửa đất số 2 dài 5,89m, giáp thửa số 3 dài 5,75m; phía Nam giáp đất ông D dài 11,66m. Diện tích đất ông Ng được hưởng tại thửa 730 là 80.5m² trong đó 60m² đất ở và 20,5m² đất vườn.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải giao lại cho ông Phạm Văn Ng quyền sử dụng một phần thửa đất số 729, tờ bản đồ 114-70 tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa số 4 dài 5,59m, giáp thửa số 5 dài 5,77m, giáp thửa số 6 dài 6,11m, giáp thửa số 7 dài 7,75m; phía Nam giáp đất anh V dài 25,22m; Phía Đông giáp thửa số 8 rộng 7m; phía Tây giáp đất giao ông Ng rộng 7m. Diện tích đất ông Ng được hưởng tại thửa 729 là 176,5m² trong đó 60m² đất ở và 116,5m² đất vườn.

Buộc ông Hồ Văn D và bà Phạm Thị H phải giao lại cho ông Phạm Văn Ng quyền sở hữu 01 ốt quán trên thửa đất 730 trị giá 35.280.000 đồng và phần tường bao nằm trên phần đất được giao.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị H phải giao lại cho ông Phạm Văn Ng quyền sở hữu 01 nhà trị giá 10.000.000 đồng và phần tường bao nằm trên phần đất được giao.

Buộc ông Phạm Văn Ng phải giao lại cho ông Hồ Văn D và bà Phạm Thị H 35.280.000 đồng giá trị tiền ốt và 200.000đồng/m² tường bao và giao cho ông D 1.200.000 đồng do nhận vượt quá diện tích đất được hưởng.

Buộc ông Phạm Văn Ng phải giao lại cho ông Nguyễn Văn V do nhận quá phần đất được hưởng là 71.250.000 đồng, giao lại cho ông V và bà H trị giá ngôi nhà trên phần đất được giao 10.000.000 đồng và 200.000đồng/m² tường bao.

Buộc ông Hồ Văn D phải giao lại cho ông Nguyễn Văn V giá trị tiền đất do nhận vượt quá là 45.600.000 đồng

Ông Hồ Văn D được quyền sử dụng 120m² đất ở, 39,7m² đất vườn; tạm giao cho ông Hồ Văn D quản lý và sử dụng 20m² đất ở và 6,7m² đất vườn là di sản thừa kế mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị C được hưởng; tạm giao 40,9m² đất vườn thừa tại thửa đất số 730, tờ bản đồ 114-70 tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cho ông Hồ Văn D và bà Phạm Thị H. Toàn bộ diện tích đất nói trên hiện đang do ông D và bà H sử dụng có tứ cận như sau: Chiều rộng phía Tây bám đường bê tông liên thôn 16,09m, phía Đông giáp đất ông V rộng 16,86m, phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Phạm Văn Ng dài 11,66m, phía Nam giáp đường ngõ xóm dài 14,48m

Ông Nguyễn Văn V được quyền sử dụng 120m² đất ở, 90,5m² đất vườn; tạm giao cho ông Nguyễn Văn V quản lý và sử dụng 20m² đất ở và 23m² đất vườn là di sản thừa kế mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị N được hưởng; tạm giao 324m² đất vườn thừa tại thửa đất số 729, tờ bản đồ 114-70 tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Toàn bộ diện tích đất nói trên hiện đang do ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị H sử dụng có tứ cận như sau: Chiều rộng phía Tây giáp đất giao cho ông D 16,86m, phía Đông giáp thửa số 35 dài 8,47m + 0,66m, giáp thửa số 21 dài 12,42m, giáp thửa số 8 dài 2,56m; phía Bắc giáp phần đất giao cho ông Phạm Văn Ng dài 25,22m, phía Nam giáp đường ngõ xóm dài 8,42m + 4,82m, giáp thửa số 34 dài 19,35m.

Ông Phạm Văn Ng được quyền sử dụng diện tích đất và quyền sở hữu nhà, ột, bờ rào do ông Hồ Văn D và ông Nguyễn Văn V giao lại. Ông Hồ Văn D và ông Nguyễn Văn V được nhận tiền do ông Phạm Văn Ng giao lại, ông Nguyễn Văn V được nhận tiền do ông Hồ Văn D giao lại.

Các đương sự có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí thẩm định và thông báo quyền kháng cáo theo quy định

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn – ông Hồ Văn D làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định kháng nghị số 33/QĐKNPT –VC1 với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án và giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Theo kết quả thẩm định thì hiện trạng thửa 730 là 307,9 m²; thửa 729 là 754m², ông V và ông D trình bày diện tích tăng là do khai phá, còn Ủy ban nhân dân xã thì cho rằng ranh giới thửa đất ổn định, sai số do đo đạc qua các thời kỳ; tại phiên tòa ông Ng cho rằng không có việc khai phá. Hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thị L hiện đang sống trên thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114 -70 tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu. Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ biến động đất qua các thời kỳ; bà Loan có tạo lập tài sản gì trên đất hay không; kích thước cụ thể, diện tích theo hiện trạng của thửa đất 729, trên đất có những tài sản gì, thuộc quyền sở hữu của ai là chưa xem xét vụ án một cách triệt để. Với những vi phạm nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số người có quyền và nghĩa vụ liên quan nhưng người vắng mặt đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần, có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có ủy quyền nên việc xét xử đảm bảo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của VKSND cấp cao tại Hà Nội được thực hiện đúng thời hạn quy định nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Nguyên đơn – ông Phạm Văn Ng yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông (cụ Phạm Văn N và cụ Vương Thị N) là thửa đất được Nhà nước cấp cho các cụ từ năm 1970 hiện do bị đơn sử dụng. Cụ Phạm Văn N và cụ Vương Thị N sinh được 06 người con là bà Phạm Thị C chết năm 2013; (chồng là ông Hồ Yên Đ, chết năm 2005; có 07 người con gồm: Hồ Thị D; Hồ Văn D; Hồ Thị T; Hồ Thị H; Hồ Văn T; Hồ Văn H; Hồ Văn Th). Bà Phạm Thị N chết năm 2013 (có chồng là ông Nguyễn Ngọc B và các con gồm Nguyễn Thị L; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thị X; Nguyễn Văn B; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn C; Thái Thị H); Bà Phạm Thị D, sinh năm 1949; ông Phạm Hữu Th (liệt sỹ hy sinh năm 1968, có con là Phạm Thị Nh); ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1954. Cụ Vương Thị N chết năm 1990, cụ Phạm Văn N chết năm 1993 đều không để lại di chúc.

[4] Bị đơn cho rằng: năm 1986, ông B và bà N đã mua ngôi nhà của cụ N với số tiền 150.000 đồng để ở, còn đất do HTX quản lý. Năm 1988 ông B và bà N đã cho vợ chồng anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị H ở và được HTX Nguyễn Đức Mậu cấp đất, sau đó chị Nguyễn Thị L cũng đến ở trên cùng thửa đất trên. Năm 1990, anh D đi bộ đội về được HTX Nguyễn Đức Mậu cắt cho một phần đất ao rau muống của anh V. Năm 1993 thì được HTX và UBND xã làm thủ tục; đến năm 1997 thì hai anh được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 64/NĐ-CP.

[5] Quan điểm của HTX Nguyễn Đức Mậu cho rằng thửa đất 729 và 730 là đất của HTX, năm 1970 cấp đất cho cụ N, sau thu về để cấp cho người khác (vì trước đây đất cấp không có giấy tờ, quyết định gì). Đến năm 1990 HTX cấp đất cũng không có quyết định, chỉ đo đất và nhận ở. Anh D và anh V vẫn là xã viên HTX Đức Mậu luôn đóng thuế đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất màu đầy đủ và HTX vẫn đang quản lý đất đai của các xã viên. UBND huyện Quỳnh Lưu, UBND xã S không còn lưu trữ tài liệu nào liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D mà chỉ lưu tại sổ mục kê sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ địa chính lập năm 1997 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Xét thấy, cụ Phạm Văn N và cụ Vương Thị N được HTX Nguyễn Đức Mậu cấp đất ở năm 1970 và làm nhà ở cho đến năm 1986 sức khỏe yếu nên vào thành phố Vinh ở với con trai là Phạm Văn Ng. Các đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất tranh chấp nêu trên. Nguyên đơn trình bày năm 1986 (khi chuyển vào thành phố Vinh sống) hai cụ Phạm Văn N và Vương Thị N để lại thửa đất cho anh V và anh D trông coi nhưng không có chứng cứ chứng minh; Phía bị đơn anh Nguyễn Văn V cho rằng, sau khi đón hai cụ vào thành phố Vinh, ông Ng trở lại và bán nhà đất cho vợ chồng ông B (sau đó ông B để cho vợ chồng anh V ra ở riêng trên diện tích này). Bị đơn anh D trình bày được HTX Nguyễn Đức Mậu cấp năm 1990 (cắt một phần đất thừa của hộ anh V, việc cấp đất của hộ anh D do ông Hồ Minh T và ông Nguyễn Văn Ng - nguyên phó chủ nhiệm HTX thực hiện). Tuy nhiên cả anh V và anh D cũng đều không cung cấp được tài liệu chứng minh. Tòa án sơ thẩm không làm rõ các nội dung còn mâu thuẫn trên để làm căn cứ xem xét nguồn gốc đất cấp cho bị đơn cũng như xác định chính xác di sản thừa kế của cụ N, cụ N là thiếu sót.

[7] Cấp sơ thẩm xác định di sản là quyền sử dụng đất của cụ Phạm Văn N và cụ Vương Thị N (hai cụ được nhà nước cấp từ năm 1970 và sử dụng đến năm 1997) do bị đơn quản lý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700483 cho anh Nguyễn Văn V đối với thửa đất số 729 là 430 m² (đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy theo bản án số 02/2018/HC-PT ngày 25/5/2018). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hồ Văn D thửa đất số 730 diện tích 267 m². Tuy nhiên, diện tích có sự thay đổi, theo kết quả thẩm định thì hiện trạng thửa 730 là 307,9 m², thửa 729 là 754 m². Anh V và anh D trình bày diện tích tăng thêm là do khai phá, còn UBND xã thì cho rằng ranh giới thửa đất ổn định, sai số do đo đạc qua các thời kỳ, tại phiên tòa ông Ng cho rằng không có việc khai phá. Hồ sơ vụ án thể hiện trên thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114 -70 tại thôn 13, xã S, huyện Quỳnh Lưu còn có nhà của chị Nguyễn Thị L. Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ các nội dung còn mâu thuẫn,

chưa xác minh hiện trạng cụ thể của thửa đất 729 như thế nào? có liên quan đến quyền lợi của chị L không?, trên đất gồm có tài sản gì? thuộc quyền sở hữu của ai, là chưa xem xét vụ án một cách triệt để.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 782840 do UBND huyện Quỳnh Lưu cấp năm 1997 đối với thửa 730 diện tích 267m² và một phần quyết định số 07/QĐ-UB, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, anh D cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 730 trên đã được thay thế và xuất trình bản sao Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Quang D được cấp ngày 06/9/2019. Như vậy, tài liệu trên là tình tiết mới cần được xem xét, làm rõ.

[9] Cấp sơ thẩm xác định chia thừa kế của cụ Vương Thị N chết năm 1990 và cụ Phạm Văn N chết năm 1993 nhưng không chia di sản của hai cụ theo từng thời điểm mở thừa kế; không tuyên cụ thể các kỷ phần thừa kế được hưởng mà buộc các bên giao nhận tài sản cho nhau là không phù hợp. Tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện anh Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị H sử dụng đất từ năm 1988; anh Hồ Văn D và chị Phạm Thị H sử dụng đất từ năm 1990, cấp sơ thẩm chỉ xem xét công sức tôn tạo, làm tăng giá trị đất cho anh D và anh V (không xem xét công sức của chị Nguyễn Thị H, chị Phạm Thị H) là chưa đầy đủ. Ngoài ra, phần diện tích được giao cho các bên không có sơ đồ kèm theo dẫn đến khó khăn cho công tác thi hành án.

[11] Tổng hợp các phân tích trên cho thấy kháng nghị phúc thẩm số 33/QĐKNPT VC1-DS ngày 26/10/2022 của VKSND cấp cao tại Hà Nội và kháng cáo của anh Hồ Văn D là có căn cứ. Do có tình tiết mới và một số nội dung chưa được làm rõ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[12] Về án phí: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xem xét lại trong quá trình giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Anh Hồ Văn D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xác định lại sau khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSNDCC tại Hà Nội ;
- TAND tỉnh Nghệ An ;
- VKSND tỉnh Nghệ An ;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An ;
- Các đương sự (theo địa chỉ) ;
- Lưu HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Xuân